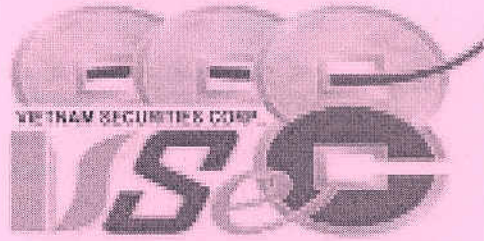


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

***NĂM 2015***

**Hà Nội, Tháng 03 năm 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*NĂM 2015*

**Hà Nội, Tháng 03 năm 2016**

# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	Thông tin chung	3
II	Tình hình hoạt động trong năm	7
III	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	14
IV	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	16
V	Quản trị Công ty	18
VI	Báo cáo tài chính	22

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103014784 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 167,695,213,612 VND
- Địa chỉ: Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.39446066
- Số fax: 04.39446070
- Website: [www.vnsec.vn](http://www.vnsec.vn)

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Được cấp phép thành lập ngày 27 tháng 11 năm 2006, với tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Việt Nam (VNSEC) – có trụ sở tại Hà Nội, Công ty vinh dự trở thành một trong những công ty chứng khoán được thành lập ngay từ những ngày đầu phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Công ty hoạt động trong các lĩnh vực môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 21/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2006.

- Ngày 20 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng đầu tư RHBIB, Malaysia chính thức là đối tác chiến lược của Công ty, nắm giữ 49% cổ phần theo giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- Ngày 14 tháng 10 năm 2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp bổ sung nghiệp vụ tự doanh theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 356/UBCK-GPHDKD.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Công ty có trụ sở chính tại tầng 12B, số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

#### **3.1. Dịch vụ chứng khoán**

Sản phẩm dịch vụ cơ bản gồm mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hỗ trợ chuyển nhượng chứng khoán niêm yết.

Phối hợp với ngân hàng để mang tới cho khách hàng dịch vụ tài chính ứng trước tiền bán chứng khoán trên nhu cầu thực tế của khách hàng và đáp ứng đúng những yêu cầu của pháp luật.

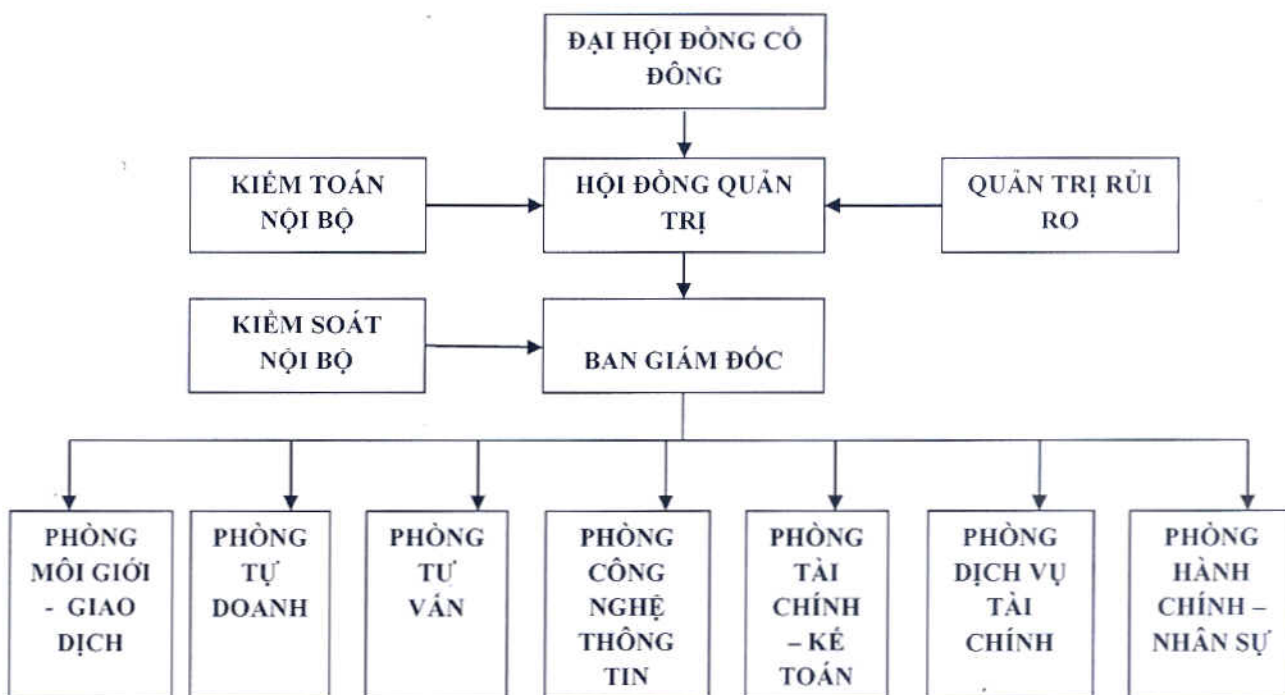
#### **3.2. Dịch vụ tư vấn tài chính**

Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, mua bán sáp nhập doanh nghiệp...

#### **3.3. Dịch vụ đầu tư tài chính**

Mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã và đang lựa chọn phương án bảo toàn vốn và phần lớn thu nhập năm 2015 của Công ty đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

– **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**  
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán tại Việt Nam thông qua việc cung cấp nhiều sản phẩm tài chính tiên tiến đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Thúc đẩy mối quan hệ lâu dài với khách hàng thông qua việc cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ và áp dụng các thông lệ thị trường và quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nhằm gia tăng thị phần trên thị trường chứng khoán, định hướng chính mà Công ty sẽ triển khai như sau:

##### **Hoạt động môi giới:**

- Mở rộng kênh phân phối bao gồm thiết lập chi nhánh và kết hợp với các tổ chức lớn.
- Cải thiện hiệu quả kỹ thuật nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển của thị trường chứng khoán và của khách hàng.
- Tuyển dụng đội ngũ cán bộ nhân viên môi giới giỏi để tư vấn và thu hút khách hàng giao dịch tại Công ty.
- Cung cấp các dịch vụ tài chính tiên tiến, cải thiện chất lượng dịch vụ thông qua việc hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Mời chuyên gia của ngân hàng RHB đào tạo và chuyển giao kiến thức về chứng khoán cho nhân viên Công ty.

##### **Hoạt động tư vấn tài chính:**

- Khai thác trên cơ sở những khách hàng lớn của Ngân hàng RHB và sự có mặt của ngân hàng RHB tại các nước khác như Malaysia, Thái Lan, Singapore, Indonesia cho các hợp đồng tư vấn M&A xuyên quốc gia.
- Liên kết với các công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam, ký kết các bản ghi nhớ thông tin, thúc đẩy các hợp đồng M&A.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế từ năm 2013 đến 2015:

Chi tiết	Năm 2013 VND	Năm 2014 VND	Năm 2015 VND
<i>Thu nhập hoạt động nghiệp vụ</i>	1,660,017,287	1,178,968,473	24,148,664
<i>Bao gồm</i>			
<i>Môi giới</i>	25,296,415	45,551,435	24,148,664
<i>Tự doanh</i>	429,993,600	286,662,400	-
<i>Tư vấn tài chính</i>	1,200,000,000	816,735,909	-
<i>Khác</i>	4,727,272	30,018,729	-
<i>Thu nhập từ tiền gửi</i>	14,248,659,803	13,333,459,425	12,758,936,481
<b>TỔNG THU NHẬP</b>	<b>15,908,677,090</b>	<b>14,512,427,898</b>	<b>12,783,085,145</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(8,227,555,921)</b>	<b>(8,187,976,305)</b>	<b>(8,451,099,952)</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động</b>	<b>7,681,121,169</b>	<b>6,324,451,593</b>	<b>4,331,985,193</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7,681,121,169</b>	<b>6,324,451,593</b>	<b>4,331,985,193</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,825,830,852	1,328,313,622	866,397,038
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>5,855,290,318</b>	<b>4,996,137,971</b>	<b>3,465,588,155</b>
Lợi nhuận tích lũy sau thuế	27,699,075,640	32,695,213,612	36,160,801,767
Vốn điều lệ	135,000,000,000	135,000,000,000	135,000,000,000
Quỹ dự phòng	2,769,907,564	3,269,521,362	3,616,080,178
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>162,699,075,641</b>	<b>167,695,213,612</b>	<b>171,160,801,767</b>

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 là 4,331,985,193 VND. Phần lớn thu nhập năm 2015 của Công ty đến từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Phần chi phí hoạt động của Công ty giảm hơn so với năm ngoài do Công ty quản lý tốt phần chi phí.

Vốn cổ đông theo đó tăng từ 162,699,075,641 VND năm 2013 lên 171,160,801,767 VND năm 2015.



Trong năm 2015, Công ty thực hiện chiến lược thận trọng, xây dựng nền tảng vững vàng:

- Tập trung vào củng cố các chính sách, quy trình để phù hợp và tuân thủ đúng những quy định của các Sở ban ngành và luật pháp.
- Xây dựng hệ thống quản lý môi giới chuyên nghiệp cho những cán bộ môi giới thông qua hệ thống phần mềm giao dịch.
- Tập trung hoàn thành các hợp đồng tư vấn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty không thực hiện kế hoạch mở rộng kinh doanh hay triển khai dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng do:

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô chưa thực sự thuận lợi
- Việc tuyển dụng các vị trí chủ chốt cho gặp không ít khó khăn.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chi tiêu	TH 2014	KH 2014	TH 2015	% KH năm	% TH so với 2014
<i>Thu nhập HĐ nghiệp vụ</i>	1,178,968,473	7,900,000,000	24,148,664	-99.69%	-97.95%
<i>Bao gồm</i>	-	-	-	-	-
<i>Môi giới</i>	45,551,435	3,906,000,000	24,148,664	-99.38%	-46.99%
<i>Tự doanh</i>	286,662,400	-	-	-100.00%	-100.00%
<i>Tư vấn tài chính</i>	816,735,909	3,600,000,000	-	-100.00%	-100.00%
<i>Khác</i>	30,018,729	394,000,000	-	-100.00%	-100.00%
<i>Thu nhập từ tiền gửi</i>	13,333,459,425	12,104,000,000	12,758,936,481	5.41%	-4.31%
<b>TỔNG THU NHẬP</b>	14,512,427,898	20,004,000,000	12,783,085,145	-36.10%	-11.92%
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	(8,187,976,305)	(10,010,000,000)	(8,451,099,952)	-15.57%	3.21%
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	6,324,451,593	9,994,000,000	4,331,985,193	-56.65%	-31.50%

Lợi nhuận trước thuế năm 2015 giảm so với năm 2014 chủ yếu do Công ty trích lập dự phòng thêm cho khoản đầu tư vào cổ phiếu SMC. Lãi suất ngân hàng giảm.

*Về cơ cấu thu nhập:* tỷ trọng doanh thu đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn chiếm đa số tăng 5.41% so với kế hoạch 2014. Doanh thu về Môi giới giảm và Tư vấn tài chính thực hiện thì không có so với tình hình kinh doanh thực tế và thu hút khách hàng chưa thực sự thuận lợi. Đồng thời, với thị trường chứng khoán năm 2015 bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế vĩ mô nên không chỉ Công ty mà nhiều các Công ty khác trên thị trường cũng đều có tình hình chung về giảm sút doanh thu cho hoạt động Môi giới.

*Về cơ cấu chi phí:* chi phí thực hiện năm 2015 giảm hơn so với kế hoạch, mức giảm là -15.57%, so với thực hiện năm 2014 thì chi phí năm 2015 tăng với mức là 3.21%.

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### *2.1. Ban điều hành:*

- Ông Mai Duy Long: *Tổng Giám Đốc*  
*Sinh năm 1982*  
*Thạc sĩ Trường Đại học California Miramar*  
*Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ tháng 4 năm 2013*  
*Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty từ 11/11/2015.*
- Ông Ng. Weng Seng: *Giám đốc điều hành*  
*Sinh năm 1957*  
*Tốt nghiệp Đại học Tunku Abudul Rahman, Malaysia*  
*Quá trình Công tác: công tác tại Công ty từ năm 2008*  
*Được bổ nhiệm Giám đốc điều hành của Công ty từ năm 2010*
- Ông Lê Bá Hoàng Quang: *Phó Giám đốc điều hành*  
*Sinh năm 1977*  
*Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân*  
*Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2013*  
*Được bổ nhiệm Phó Giám đốc điều hành của Công ty từ 25/10/2013*
- Bà Bùi Thị Quý: *Kế toán trưởng*

Sinh năm 1984

Tốt nghiệp Đại học Phương Đông.

Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2011

Được bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty từ 01/04/2014.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

Ngày 11/11/2015:

- Miễn nhiệm bà Phi Thị Bích An, Tổng giám đốc
- Bổ nhiệm Ông Mai Duy Long làm Tổng giám đốc.

2.3. Số lượng cán bộ nhân viên:

Tính tới thời điểm 31/12/2015 tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 27 người.

➤ **Chính sách tuyển dụng:**

Công ty luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng nhân sự theo phương châm công khai và minh bạch.

Hàng năm Công ty đều thành lập Hội đồng tuyển dụng để tìm kiếm những ứng cử viên tiềm năng, nhiều kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên năng động và luôn đáp ứng được yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ cũng được Ban Lãnh đạo khuyến khích và ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển.

Mọi ứng viên dự tuyển được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

➤ **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty luôn được coi là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu.

Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp đồng thời chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, tác phong chuyên nghiệp phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng nhất.

Hàng năm, Công ty tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nâng cao và cập nhật các quy định

mới của pháp luật như: các khoá đào tạo về nghiệp vụ của Ủy ban và hai Sở, các lớp học về thuế, tiền lương ...

Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện để cán bộ có điều kiện tham gia học tập tại nước ngoài, cụ thể như cử cán bộ đi đào tạo nghiệp vụ tại Ngân hàng RHB tại Malaysia về các kỹ năng phân tích, quản lý rủi ro..

➤ **Chính sách tiền lương, thưởng đối với người lao động:**

Công ty gắn liền chế độ khen thưởng cán bộ nhân viên với kết quả hoạt động kinh doanh, mục tiêu công việc đạt được và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng.

Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:  
Một năm, nhân viên được hưởng thu nhập tương đương 13 tháng lương.  
Vào các dịp lễ tết của quốc gia, mọi cán bộ nhân viên đều được nhận thưởng.

Chế độ nâng lương cấp bậc được thực hiện định kỳ hàng năm đối với cán bộ nhân viên đạt kết quả và thành tích cao trong công việc.

Hàng quý, căn cứ vào kết quả làm việc của từng cá nhân mà Ban lãnh đạo xem xét bổ sung thêm phụ cấp khó khăn (20% lương) cho các cán bộ nhân viên đạt kết quả làm việc tốt.

Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp xã hội theo các quy định của Bộ Luật Lao động.

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại, tổ chức liên hoan, hoạt động vui chơi cho toàn thể cán bộ nhân viên nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa người lao động với Công ty.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

**4. Tình hình tài chính**

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
I	Tổng giá trị tài sản	169,517,896,780	172,333,412,573	1.66%

2	<i>Doanh thu</i>	14,512,427,898	12,783,085,145	-11.92%
3	<i>Thuế và các khoản phải nộp</i>	1,328,313,622	866,397,038	-34.77%
4	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	6,324,451,593	4,334,993,540	-31.46%
5	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	4,996,137,971	3,468,596,502	-30.57%

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu		2014	2015	Ghi chú
1.	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn	9431.23%	15188.93%	
+	Hệ số thanh toán nhanh:			
	TSLĐ - Hàng tồn kho	9431.23%	15188.93%	
	Nợ ngắn hạn			
2.	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1.08%	0.68%	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.09%	0.69%	
3.	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+	Vòng quay hàng tồn kho:			
	Giá vốn hàng bán			
	Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	12.36%	12.73%	
4.	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	34.43%	27.13%	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.98%	2.03%	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.95%	2.01%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8.12%	0.19%	
<b>5. Quy mô vốn</b>			
- Vốn điều lệ	135,000,000,000	135,000,000,000	
- Tổng tài sản có	169,517,896,780	172,333,412,573	
- Tỷ lệ an toàn vốn	415.92%	421.00%	Tỷ lệ vốn khả dụng bằng vốn khả dụng/tổng giá trị rủi ro

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2015		Tại 31/12/2014	
	SL cổ phiếu	VND	SL cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	%
<b>Trong nước</b>			
Tổ chức	1	405,000	3.0%
Cá nhân	2	6,480,000	48.0%
<b>Nước ngoài</b>			
Tổ chức	1	6,615,000	49.0%

### Danh sách cổ đông:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2015		Tại 31/12/2014	
	SL cổ phiếu	%	SL cổ phiếu	%
RHB Investment Bank Berhad	6,615,000	49.0%	6,615,000	49.0%
Bà Chu Thị Phương Dung	5,791,500	42.9%	5,791,500	42.9%

Bà Trương Lan Anh	688,500	5.1%	688,500	5.1%
Công ty môi giới bảo hiểm Việt Quốc	405,000	3.0%	405,000	3.0%

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không*

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không*

5.5. *Các chứng khoán khác: Không.*

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Những kết quả đạt được:

- **Kết quả hoạt động kinh doanh:** năm 2015 Công ty đã có lãi và đã hoàn thành được lợi nhuận kế hoạch năm do Hội đồng quản trị phê duyệt, đó là một nỗ lực của Ban Giám đốc trong bối cảnh thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán cùng ngành nói riêng gặp nhiều khó khăn, nhiều công ty phải tái cơ cấu, cắt giảm quy mô hoạt động và lỗ kéo dài.
- **Hoạt động đầu tư:** Công ty vẫn tiếp tục không tham gia vào mảng đầu tư chứng khoán tự doanh do hoạt động này mang tính chất rủi ro cao. Đó cũng là một phần thành công của Ban Giám đốc trong việc điều hành Công ty đạt được kết quả hoạt động có lãi trong năm 2015.
- **Quản trị điều hành:** Ban Giám đốc đã định hướng và thực hiện các chỉ tiêu theo đúng các kế hoạch năm đã đề ra. Công ty chú trọng công tác quản trị chi phí do vậy năm 2015 chi phí giảm tới so với kế hoạch. Còn các chỉ tiêu khác đã được phân công tới từng phòng liên quan.

Các quy trình và thủ tục của Công ty đã được xây dựng và triển khai kết hợp giữa thông lệ của thị trường trong nước cũng như áp dụng các điểm mới từ phía đối tác chiến lược, RHBIB, là một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Malaysia.

##### 1.2. Những kết quả chưa đạt được:

- Việc khai thác lợi thế của các ngân hàng đối tác trong nước để phát triển các cơ hội kinh doanh chưa thực sự phát huy hiệu quả.
- Chưa tuyển dụng được các vị trí chủ chốt tại các bộ phận kinh doanh trong Công ty, do vậy nhiều cơ hội mở rộng kinh doanh trên thị trường chứng khoán đã bị bỏ qua.
- Đội ngũ nhân sự đang tiếp tục phải đào tạo, cơ cấu cho phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh nên năng lực cạnh tranh còn hạn chế.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Chi tiêu	2014	2015	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>169,517,896,780</b>	<b>172,333,412,573</b>	<b>1.66%</b>

Năm 2015 với tình hình nền kinh tế có nhiều bất ổn, Công ty vẫn không ngừng nỗ lực để bảo toàn vốn và phần đầu đạt lợi nhuận kế hoạch đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị đề ra.

- Về cơ cấu tài sản: tổng tài sản năm 2015 đã tăng 1.66% so với năm 2014
- Trong năm 2015, do quản trị và tuân thủ các chính sách tài chính của Công ty nên Công ty đã không phải chịu bất kỳ khoản nợ phải thu xấu, tài sản xấu.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	2014	2015	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,822,683,168</b>	<b>1,172,610,806</b>	<b>-35.67%</b>

Cũng giống như các khoản mục tài chính, Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



### **3. Kế hoạch phát triển trong năm 2016.**

- Xây dựng và mở rộng hợp tác với các ngân hàng nơi mà Công ty đang gửi tiền gửi có kỳ hạn để gia tăng sản phẩm dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng.
- Tập trung vào các khách hàng nước ngoài tiềm năng từ phía đối tác liên doanh RHB để khách hàng giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua Công ty là nhà môi giới.
- Cải thiện thị phần về môi giới bằng cách dự kiến đưa sản phẩm Margin vào phục vụ khách hàng
- Phát huy tiềm năng sẵn có về tài chính, các hoạt động nòng cốt để sẵn sàng đón đầu khi thị trường phục hồi.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ về chi phí quản lý và chi phí nhân viên thông qua việc nâng cao chất lượng trong công việc.
- Cử một số nhân viên cốt lõi sang đào tạo tại ngân hàng đầu tư liên doanh RHB, Malaysia.
- Về hợp đồng tư vấn tài chính, dự kiến các hợp đồng mua bán sáp nhập sẽ tăng do ngày càng nhiều các công ty Việt Nam muốn tìm đối tác chiến lược nước ngoài không chỉ với mục đích tài trợ vốn mà còn về vấn đề chuyên giao công nghệ.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trước áp lực cạnh tranh khốc liệt của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhiều công ty chứng khoán trong năm 2015 đã lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, mất khả năng thanh toán. Theo thống kê kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán tại Việt Nam cho thấy, trên nửa số công ty chứng khoán bị lỗ trong năm 2015 và 2/3 số công ty chứng khoán bị lỗ lũy kế. Trong thời gian tới dự báo những con số này vẫn còn tăng thêm do tình hình kinh tế vĩ mô tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy

nhiên, Công ty vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng. Đây thực sự là điểm đáng khuyến khích.

## 2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành những Nghị quyết và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả (chi tiết tới từng nghiệp vụ như hoạt động môi giới, hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động đầu tư) của Ban Giám Đốc được tổ chức định kỳ.
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của nhóm kiểm soát nội bộ tập đoàn ngân hàng RHBIB.
- Giám sát thông qua việc thực hiện các ý kiến đánh giá, kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.

Qua việc giám sát cho thấy, Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng các chủ trương mà kế hoạch đã được duyệt. Các Nghị quyết ban hành trong năm 2015 cũng theo đó được thực hiện nghiêm túc. Mọi hoạt động kinh doanh tại Công ty tuân thủ đúng pháp luật và quy định về kinh doanh chứng khoán.

## 3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị công ty sẽ tập trung vào các hướng hoạt động như sau:

- Khai thác triệt để lợi thế từ ngân hàng RHBIB trong việc mở rộng và phát triển khách hàng. Đây là nguồn khách tiềm năng có thể sẽ thông qua Công ty để giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.
- Cải tiến hệ thống công nghệ thông tin nhằm quản lý và phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển nhanh của thị trường chứng khoán.
- Tăng cường kiểm soát tài chính: các nguồn tiền hàng tháng dư thừa phải được gửi tại các ngân hàng có uy tín đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro. Căn cứ vào báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng được Công ty lập cũng như báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên, năm được kiểm toán từ đơn vị kiểm toán KPMG. Hội đồng quản trị có thể kịp thời quản trị tốt hơn, đảm bảo không bị gặp rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm các thành viên:

1. Ông Chan Cheong Yuen, Chủ tịch HĐQT (từ ngày 06/12/2013)
2. Bà Chu Thị Phương Dung, Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Trần Thị Hải Yến, Ủy viên
4. Ông Ng Weng Seng, Ủy viên
5. Ông Jaimie Sia Keng, Ủy viên

Trong số năm (05) thành viên HĐQT, chỉ có Bà Chu Thị Phương Dung - Phó chủ tịch HĐQT và Ông Ng Weng Seng - Giám đốc điều hành, thực hiện chức năng điều hành Công ty.

Chủ tịch HĐQT là Ông Chan Cheong Yuen, Bà Trần Thị Hải Yến (Thành viên HĐQT) và Ông Jaimia Sia Keng (Thành viên HĐQT) không thực hiện chức năng điều hành ngoại trừ là thành viên trong nhóm chữ ký tài khoản công ty mở tại các ngân hàng tại Việt Nam.

Như đã đề cập ở trên, Các hoạt động của Công ty được điều hành và quản lý bởi Bà Chu Thị Phương Dung và Ông Ng Weng Seng, với sự hỗ trợ của các trưởng phòng ban tương ứng.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty có quy mô nhỏ; do đó không cần các tiểu ban dưới HĐQT

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị tổ chức bốn (4) cuộc họp trong năm 2015 và các Nghị quyết HĐQT khác cũng được thông qua bằng văn bản.

Dưới đây là danh sách đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2015:

Họp Hội đồng quản trị	Ngày tháng
Số.4/2014	18 tháng 03 năm 2015
Số.1/2015	14 tháng 08 năm 2015
Số.2/2015	04 tháng 11 năm 2015
Số.3/2015	17 tháng 12 năm 2015

Dưới đây là danh sách các nghị quyết được thông qua bằng văn bản của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014:

- Nghị quyết số 1/2015/NQHDQT/VSEC ngày 3 tháng 2 năm 2015
- Nghị quyết số 2/2015/NQHDQT/VSEC ngày 31 tháng 3 năm 2015
- Nghị quyết số 3/2015/NQHDQT/VSEC ngày 31 tháng 3 năm 2015
- Nghị quyết số 4/2015/NQHDQT/VSEC ngày 12 tháng 5 năm 2015
- Nghị quyết số 5/2015/NQHDQT/VSEC ngày 12 tháng 5 năm 2015
- Nghị quyết số 6/2015/NQHDQT/VSEC ngày 31 tháng 7 năm 2015
- Nghị quyết số 7/2015/NQHDQT/VSEC ngày 31 tháng 7 năm 2015
- Nghị quyết số 8/2015/NQHDQT/VSEC ngày 16 tháng 12 năm 2015
- Nghị quyết số 9/2015/NQHDQT/VSEC ngày 16 tháng 12 năm 2015
- Nghị quyết số 10/2015/NQHDQT/VSEC ngày 16 tháng 12 năm 2015

## 2. Ban Kiểm soát

*Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát và hoạt động của Ban kiểm soát:*

STT	Thành viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết	Các chứng khoán khác do cty phát hành
1	Nguyễn Hải Dương	0	0

Công ty không có Ban kiểm soát, thay vào đó các chức năng kiểm tra/kiểm soát nội bộ được thực hiện bởi Kiểm soát nội bộ, dưới sự quản lý của HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận việc chưa thành lập Ban kiểm soát trong cuộc họp thường niên ngày 26/04/2010.

Không như hầu hết các công ty chứng khoán khác, Công ty cũng được kiểm toán bởi Kiểm toán nội bộ tập đoàn của RHBIB và điều này nâng cao mức độ kiểm soát nội bộ của Công ty.

Năm 2015, nhóm kiểm toán nội bộ của RHBIB đã thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty, kết quả kiểm toán xếp loại “Đạt”

Trong năm tài chính, Công ty không mắc bất cứ một gian lận hoặc tranh chấp nào. Có một lỗi giao dịch nhỏ phát sinh do lỗi hệ thống. Tuy nhiên, Công ty không bị phát sinh lỗ do lỗi giao dịch này.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã thể hiện quyết tâm để đảm bảo việc kiểm soát nội bộ được thực hiện tốt nhằm quản lý các rủi ro mà Công ty phải đối mặt.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo nhân viên để đảm bảo việc nắm vững các quy trình và chính sách, cũng như xây dựng văn hóa và thói quen nhất quán trong việc kiểm soát rủi ro.

Như đã đề cập ở trên, Ông Ng Weng Seng, là thành viên HĐQT cùng với Phó chủ tịch HĐQT quản lý, kiểm soát các hoạt động của Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

#### *3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

<b>Tên thành viên</b>	<b>Lương, thưởng</b>	<b>CF tiếp khách</b>	<b>Công tác</b>	<b>Khác</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Chu Thị Phương Dung	429,027,888	194,439,132	203,605,935	
Trần Thị Hải Yến	450,724,800			
<b>Ban Giám Đốc</b>				
Phí Thị Bích An (từ tháng 01/2015 đến ngày 11/11/2015)	110,233,727			

Mai Duy Long ( Từ ngày 11/11/2015 đến tháng 12/2015)	27,920,573			
<b>Ban kiểm soát</b>				
Nguyễn Hải Dương	87,341,000			
<b>Tổng</b>	<b>1,077,327,415</b>	<b>194,439,132</b>	<b>203,605,935</b>	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* không

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :*

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty do vậy không có nội dung nào bị vi phạm hoạt động quản trị Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán bởi KPMG cho năm tài chính 31/12/2015 được đính kèm cùng báo cáo này.

**Tổng Giám Đốc** 



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Mai Duy Long*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số** 0103014784 Ngày 27 tháng 11 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**Giấy phép Hoạt động** 21/UBCK-GPHĐKD Ngày 8 tháng 12 năm 2006  
**Kinh doanh** 184/UBCK-GP Ngày 20 tháng 1 năm 2009  
**Chứng khoán số** 356/UBCK-GP Ngày 14 tháng 10 năm 2010  
52/GPĐC-UBCK Ngày 11 tháng 11 năm 2015

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Hội đồng Quản trị** Ông Chan Cheong Yuen Chủ tịch  
Bà Chu Thị Phương Dung Phó Chủ tịch  
Ông Ng Weng Seng Ủy viên  
Bà Trần Thị Hải Yến Ủy viên  
Ông Jaimie Sia Zui Keng Ủy viên

**Ban Giám đốc** Ông Mai Duy Long Tổng Giám đốc  
(từ ngày 11 tháng 11 năm 2015)  
Bà Phí Thị Bích An Tổng Giám đốc  
(đến ngày 10 tháng 11 năm 2015)

**Trụ sở đăng ký** Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Chứng Khoán Việt Nam**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 25 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 25.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-064/3



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội,

**11-03-2016**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>94.141.006.671</b>	<b>49.762.334.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>85.998.606.405</b>	<b>2.496.125.197</b>
Tiền	111		1.772.606.405	2.496.125.197
Các khoản tương đương tiền	112		84.226.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>6.579.964.480</b>	<b>45.684.113.880</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		10.867.961.000	48.717.961.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.287.996.520)	(3.033.847.120)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>430.608.021</b>	<b>431.501.531</b>
Trả trước cho người bán	132		278.294.250	278.294.250
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		196.867	363.039
Các khoản phải thu khác	138		152.116.904	152.844.242
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.131.827.765</b>	<b>1.150.593.795</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.107.807.682	1.063.709.162
Tài sản ngắn hạn khác	158		24.020.083	86.884.633
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>78.192.405.902</b>	<b>119.755.562.377</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>761.117.344</b>	<b>1.479.535.578</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	664.665.280	1.211.233.812
<i>Nguyên giá</i>	222		5.912.158.826	5.912.158.826
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.247.493.546)	(4.700.925.014)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	96.452.064	268.301.766
<i>Nguyên giá</i>	228		1.391.619.550	1.391.619.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.295.167.486)	(1.123.317.784)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>76.829.000.000</b>	<b>117.688.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		76.829.000.000	117.688.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>602.288.558</b>	<b>588.026.799</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		11.225.987	14.130.590
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	<b>10</b>	316.187.571	299.021.209
Tài sản dài hạn khác	268	<b>11</b>	274.875.000	274.875.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>172.333.412.573</b>	<b>169.517.896.780</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.172.610.806</b>	<b>1.822.683.168</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.125.414.972</b>	<b>1.775.487.334</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	195.911.873	600.330.532
Chi phí phải trả	316		67.384.400	8.692.200
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	840.665.953	1.143.205.466
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		19.875	19.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		21.432.871	23.239.261
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.195.834</b>	<b>47.195.834</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		47.195.834	47.195.834
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>171.160.801.767</b>	<b>167.695.213.612</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>171.160.801.767</b>	<b>167.695.213.612</b>
Vốn cổ phần	411	14	135.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.808.040.089	1.634.760.681
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	419		1.808.040.089	1.634.760.681
Lợi nhuận chưa phân phối	420		32.544.721.589	29.425.692.250
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>172.333.412.573</b>	<b>169.517.896.780</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>26.664.930.000</b>	<b>25.012.940.000</b>
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	26.522.640.000	24.873.690.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	3.583.280.000	3.583.280.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	22.939.360.000	21.290.410.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	127.300.000	131.050.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	127.300.000	131.050.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	14.990.000	8.200.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	14.990.000	8.200.000
<b>7. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>5.834.800.000</b>	<b>4.522.350.000</b>
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	5.834.800.000	4.522.350.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	5.834.800.000	4.522.350.000
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	<b>082</b>	<b>1.215.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

Người lập:

Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>12.783.085.145</b>	<b>14.512.427.898</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		24.148.664	45.551.483
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2		-	286.662.400
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	01.5		-	816.735.909
Doanh thu khác	01.9	15	12.758.936.481	13.363.478.106
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10 = 01)</b>	<b>10</b>		<b>12.783.085.145</b>	<b>14.512.427.898</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>16</b>	<b>2.977.882.855</b>	<b>2.663.833.195</b>
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>9.805.202.290</b>	<b>11.848.594.703</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>17</b>	<b>5.470.208.750</b>	<b>5.524.143.110</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>4.334.993.540</b>	<b>6.324.451.593</b>
Chi phí khác	32		3.008.347	-
<b>Lỗ khác (40 = 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.008.347</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 - 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.331.985.193</b>	<b>6.324.451.593</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>18</b>	<b>866.397.038</b>	<b>1.328.313.622</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>3.465.588.155</b>	<b>4.996.137.971</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>19</b>	<b>257</b>	<b>370</b>

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.



	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.331.985.193	6.324.451.593
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	718.418.234	914.731.402
Các khoản dự phòng	03	1.254.149.400	644.991.120
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	04	-	(286.662.400)
Lãi tiền gửi	05	(12.758.936.481)	(13.313.373.916)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(6.454.383.654)	(5.715.862.201)
Giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	21.836.805	49.311.867
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(251.716.835)	347.109.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.264.752.565)	(776.707.608)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.949.016.249)</b>	<b>(6.096.148.925)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	-	(142.670.000)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	78.709.000.000	(6.974.000.000)
Cổ tức nhận được	26	-	286.662.400
Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.742.497.457	13.353.846.331
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>91.451.497.457</b>	<b>6.523.838.731</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)</b>	<b>50</b>	<b>83.502.481.208</b>	<b>427.689.806</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.496.125.197	2.068.435.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60) (Thuyết minh 6)	70	85.998.606.405	2.496.125.197

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2014	1/1/2015	2014	2015	2015	31/12/2014	31/12/2015	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.384.953.782	1.634.760.681	249.806.899	-	173.279.408	-	1.634.760.681	1.808.040.089
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.384.953.782	1.634.760.681	249.806.899	-	173.279.408	-	1.634.760.681	1.808.040.089
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.929.168.077	29.425.692.250	4.996.137.971	(499.613.798)	3.465.588.155	(346.558.816)	29.425.692.250	32.544.721.589
	<b>162.699.075.641</b>	<b>167.695.213.612</b>	<b>5.495.751.769</b>	<b>(499.613.798)</b>	<b>3.812.146.971</b>	<b>(346.558.816)</b>	<b>167.695.213.612</b>	<b>171.160.801.767</b>

Người lập:

Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với các hoạt động chính là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 26 nhân viên (31/12/2014: 28 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty được trình bày trong thuyết minh số 4(n) - Lãi trên cổ phiếu.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng của Công ty và tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán và được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên tại các ngân hàng thương mại.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### (b) Các khoản đầu tư

##### (i) Đầu tư chứng khoán

###### *Phân loại*

Công ty phân loại chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán kinh doanh.

###### *Ghi nhận*

Công ty ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

###### *Đo lường*

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Dừng ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

**(ii) Đầu tư khác**

Đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các tổ chức tài chính.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

**(d) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Vật kiến trúc	3 – 5 năm
• Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

**(c) Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

**(f) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(g) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

**(h) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

**(i) Các quỹ dự trữ pháp định**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**(j) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(k) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

**(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

**(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(iv) Doanh thu khác**

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm thu nhập tiền lãi từ các tài khoản tiền gửi ngân hàng. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(m) Các công ty liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

**(n) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa xác định được số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lãi thuần trong năm của Công ty. Do đó, sự thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**(o) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(p) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư số 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2015		2014	
	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND
Của nhà đầu tư/khách hàng Cổ phiếu	833.253	12.605.774.700	1.815.869	25.991.192.200



## 6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	25.144.469	47.985.121
Tiền gửi ngân hàng	1.747.461.936	2.448.140.076
▪ <i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>903.768.681</i>	<i>1.299.978.058</i>
▪ <i>Giữ hộ nhà đầu tư</i>	<i>843.693.255</i>	<i>1.148.162.018</i>
Các khoản tương đương tiền	84.226.000.000	-
	85.998.606.405	2.496.125.197

## 7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chứng khoán kinh doanh (i)	6.867.961.000	6.867.961.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	4.000.000.000	41.850.000.000
	10.867.961.000	48.717.961.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)
	6.579.964.480	45.684.113.880

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	76.829.000.000	117.688.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số dư cuối kỳ) và ngày 1 tháng 1 năm 2015 (số dư đầu kỳ) như sau:

Chứng khoán kinh doanh	Số lượng		Giá gốc		Tăng		So với giá thị trường (Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880
Cổ phiếu niêm yết	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880
▪ SMC	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(4.287.996.520)	(3.033.847.120)	2.579.964.480	3.834.113.880

(ii) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm (31/12/2014: từ 6,97%/năm đến 7,5%/năm).

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

Số dư tại ngày 1 tháng 1 Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	2015	2014
	VND	VND
	3.033.847.120	2.388.856.000
	1.254.149.400	644.991.120
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>4.287.996.520</b>	<b>3.033.847.120</b>

(iv) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn từ 13 tháng đến 36 tháng và hưởng lãi suất từ 6,12%/năm đến 7,13%/năm (31/12/2014: từ 6,3%/năm đến 9,19%/năm).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

2015	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm và cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
Khấu hao trong năm	181.225.199	144.465.417	220.877.916	-	546.568.532
Số dư cuối năm	893.530.248	3.136.445.371	734.419.071	483.098.856	5.247.493.546
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812
Số dư cuối năm	231.888.811	62.806.540	369.969.929	-	664.665.280

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 3.701.911.467 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 3.007.348.901 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

2014	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.125.419.059	3.056.581.911	1.104.389.000	483.098.856	5.769.488.826
Tăng trong năm	-	142.670.000	-	-	142.670.000
Số dư cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	523.989.649	2.791.841.370	292.663.239	483.098.856	4.091.593.114
Khấu hao trong năm	188.315.400	200.138.584	220.877.916	-	609.331.900
Số dư cuối năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	601.429.410	264.740.541	811.725.761	-	1.677.895.712
Số dư cuối năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812

## 9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015 VND	2014 VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm và cuối năm	1.391.619.550	1.391.619.550
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	1.123.317.784	817.918.282
Khấu hao trong năm	171.849.702	305.399.502
Số dư cuối năm	1.295.167.486	1.123.317.784
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	268.301.766	573.701.268
Số dư cuối năm	96.452.064	268.301.766

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá VND1,360,118,950 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 833.841.500 VND).

## 10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	299.021.209	269.002.528
Thu nhập lãi trong năm (Thuyết minh 15)	17.166.362	30.018.681
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>316.187.571</b>	<b>299.021.209</b>

### 11. Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác phản ánh tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.727.229	564.082.756
Thuế thu nhập cá nhân	30.184.644	36.247.776
	<b>195.911.873</b>	<b>600.330.532</b>

### 13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	839.239.146	1.141.249.966
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	1.333.307	1.220.188
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	93.500	735.312
	<b>840.665.953</b>	<b>1.143.205.466</b>

### 14. Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Tại ngày báo cáo, tình hình các cổ đông và tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu trong Công ty như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
RHB Investment Bank Berhad	66.150.000	49,0	66.150.000	49,0
Bà Chu Thị Phương Dung	57.915.000	42,9	57.915.000	42,9
Bà Trương Lan Anh	6.885.000	5,1	6.885.000	5,1
Công ty Môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	4.050.000	3,0	4.050.000	3,0
	<b>135.000.000</b>	<b>100,0</b>	<b>135.000.000</b>	<b>100,0</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có quyền như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 15. Doanh thu khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập lãi từ		
▪ Tiền gửi ngân hàng	12.741.770.119	13.333.459.425
▪ Tiền gửi tại Quỹ Hỗ trợ Thanh toán ( <i>Thuyết minh 10</i> )	17.166.362	30.018.681
	<b>12.758.936.481</b>	<b>13.363.478.106</b>

## 16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	3.673.456	7.770.718
Chi phí lưu ký chứng khoán	15.358.759	13.896.607
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh ( <i>Thuyết minh 7</i> )	1.254.149.400	644.991.120
Chi phí thuê sử dụng tài sản	777.114.717	800.634.479
Chi phí nhân viên	395.855.770	654.761.177
Công cụ và dụng cụ	198.199.050	112.252.482
Chi phí khấu hao và phân bổ	244.771.382	323.087.068
Chi phí khác	88.760.321	106.439.544
	<b>2.977.882.855</b>	<b>2.663.833.195</b>

**17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2015 VND	2014 VND
Lương và các chi phí liên quan	2.917.578.711	2.571.043.544
Chi phí khấu hao và phân bổ	473.646.852	591.644.334
Chi phí dịch vụ ngoài	1.395.696.045	1.468.795.433
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	83.578.707	179.227.130
Công cụ và dụng cụ	95.796.191	66.291.729
Thuê và lệ phí	20.109.560	15.408.656
Chi phí khác	483.802.684	631.732.284
	<b>5.470.208.750</b>	<b>5.524.143.110</b>

**18. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành	866.397.038	1.328.313.622

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	4.331.985.193	6.324.451.593
Thuế theo thuế suất của Công ty	866.397.038	1.391.379.350
Thu nhập không chịu thuế	-	(63.065.728)
	<b>866.397.038</b>	<b>1.328.313.622</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 của Bộ Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế do doanh thu của kỳ kế toán trước ít hơn 20 tỷ VND. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.



## 19. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 3.465.588.155 VND (2014: 4.996.137.971 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.500.000 cổ phiếu (2014: 13.500.000 cổ phiếu).

## 20. Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đã phê duyệt và đã được ký kết hợp đồng	395.974.455	384.658.830

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý  
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Ông Mai Duy Long  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016



